

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/DS-ST
Ngày: 06-01-2025
V/v tranh chấp
dân sự đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Tân Dũng.
- Bà Ngô Thị Lệ Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 202/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024, về tranh chấp dân sự đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 271/2024/QĐXX-ST ngày 27 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1981; Nơi cư trú: Ấp CX, xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt
- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Ấp CX, xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt lần thứ hai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 9 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trương Thị N trình bày: Giữa chị và chị Nguyễn Thị Bích V không có bà con gì hết, từ trước đến khi chị cho chị V vay tiền thì giữa chị và chị V không có làm ăn hay vay mượn gì cả. Vào ngày 05 tháng 11 năm 2022 (âm lịch), chị có cho chị Nguyễn Thị Bích V mượn số tiền 40.000.000 đồng để có vốn làm ăn, khi mượn chị V có làm biên nhận, hạn 01 tháng sẽ trả, mượn tiền không có tính lãi. Đến ngày 10 tháng 11 năm 2022 (âm lịch), chị Nguyễn Thị Bích V tiếp tục mượn thêm số tiền 15.000.000 đồng để có vốn làm ăn, khi mượn chị V có làm biên nhận, hạn 01 tháng sẽ trả, mượn tiền không có tính lãi. Khi đến hạn trả, chị có đòi nhiều lần nhưng chị V có hạn khi nào bán nhà xong là trả liền nhưng cứ hạn hoài mà không trả tiền cho chị từ đó cho đến nay. Nay chị yêu cầu chị Nguyễn Thị Bích V trả số tiền mượn còn nợ là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Bích V, Tòa án đã triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng chị từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị N; buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Bích V trả cho nguyên đơn chị Trương Thị N số tiền còn nợ là 55.000.000 đồng

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật:*

[1.1] Đây là vụ kiện tranh chấp dân sự về việc đòi lại tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn chị Nguyễn Thị Bích V đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung*: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị N, Hội đồng xét xử nhận thấy bị đơn chị Nguyễn Thị Bích V có nợ tiền của chị Trương Thị N, điều đó đã được thể hiện qua 02 biên nhận ngày 05 tháng 11 năm 2022 (âm lịch) và ngày 10 tháng 11 năm 2022 (âm lịch) là chị V có hỏi của mượn của chị N tổng số tiền là 55.000.000 đồng nhưng đến nay chị V vẫn không thanh toán dứt điểm số tiền mượn cho chị N. Vì vậy, việc khởi kiện của chị N là có căn cứ, còn chị V không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì vậy đã đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Đối với lãi suất, các đương sự không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[4] Từ những nhận định trên, đã đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng phù hợp với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị N, buộc chị Nguyễn Thị Bích V phải trả số tiền 55.000.000 đồng theo yêu cầu của chị Trương Thị N.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng các Điều 144 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quy định: “Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”; căn cứ vào điểm b khoản 1.3 Điều 1 Mục II của Danh mục án phí kèm theo Nghị quyết, chị Nguyễn Thị Bích V chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm của số tiền phải thực hiện nghĩa vụ; chị Trương Thị N được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 144, 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 166, 357, 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị N, buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Bích V trả cho nguyên đơn chị Trương Thị N số tiền 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng).

2. Về án phí:

2.1. Chị Nguyễn Thị Bích V phải chịu 2.750.000 đồng (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Chị Trương Thị N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.375.000 đồng (một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0014378 ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lương Bằng